FireAnt

CTCP FECON (HSX: FCN)

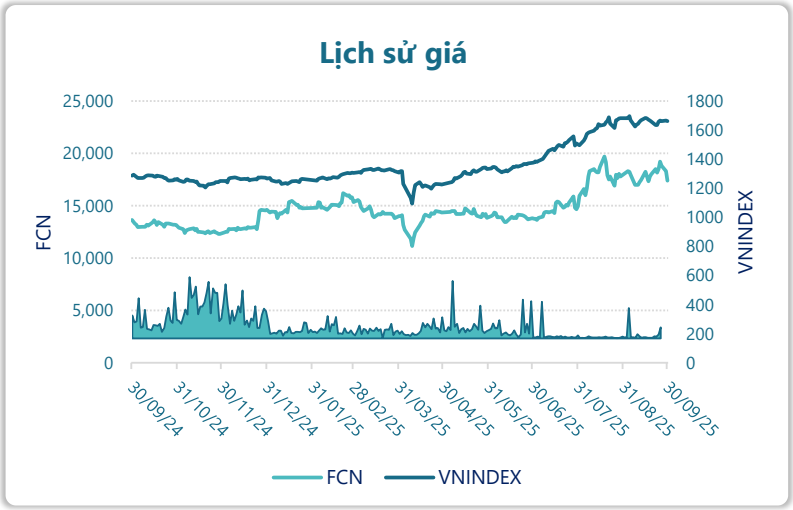

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,150
SL cổ phiếu LH	157,439,005
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,762,385
% sở hữu nước ngoài	32.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,739
P/E	98.9
EPS	176

DT thuần

Q3/25

1,143

tỷ VNĐ

QoQ: ▼183| -13.8%

YoY: ▲ 399| 53.6%

LN sau thuế

Q3/25

16.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50| 3.3%

YoY: ▲ 16.5| 55005%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.2%

+/- YoY: ▲ 1.5%

DT thuần

9T 2025

3,290

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,118| 51.5%

LN sau thuế

9T 2025

33.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 32.2| 2337%

ROE

Q3/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 1.8%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

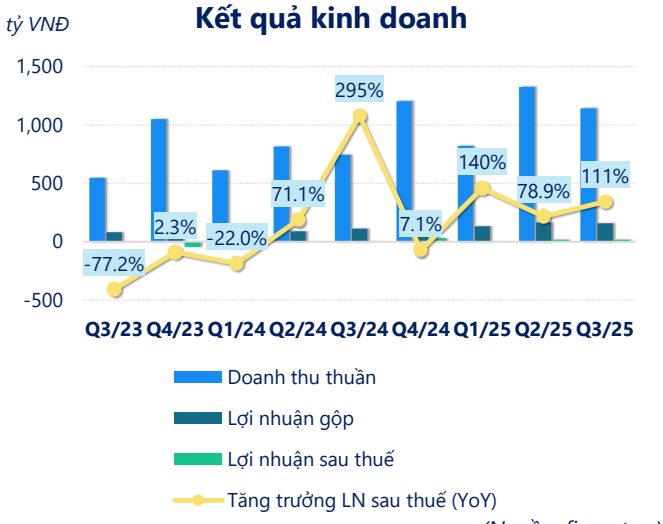

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

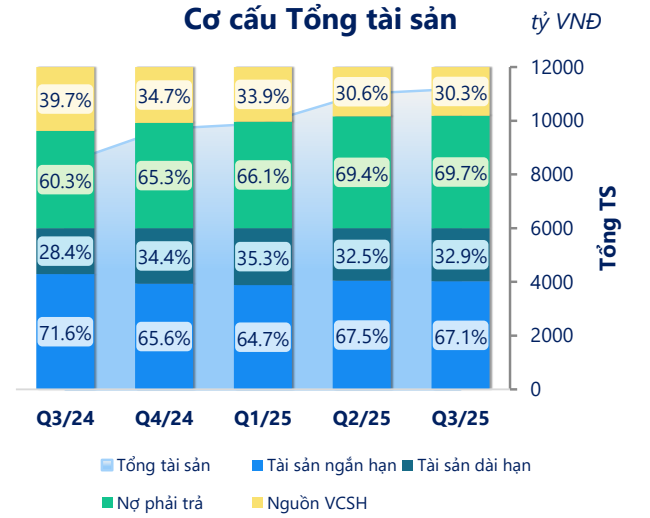

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

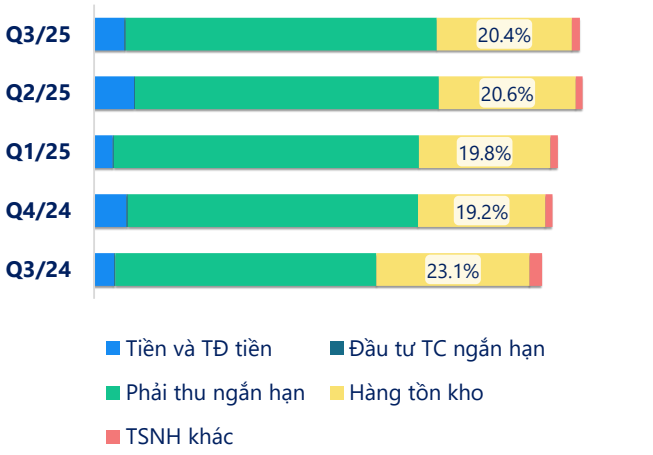

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

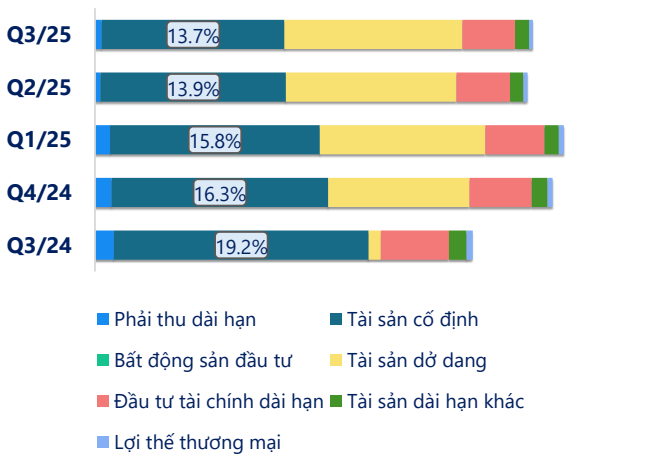

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

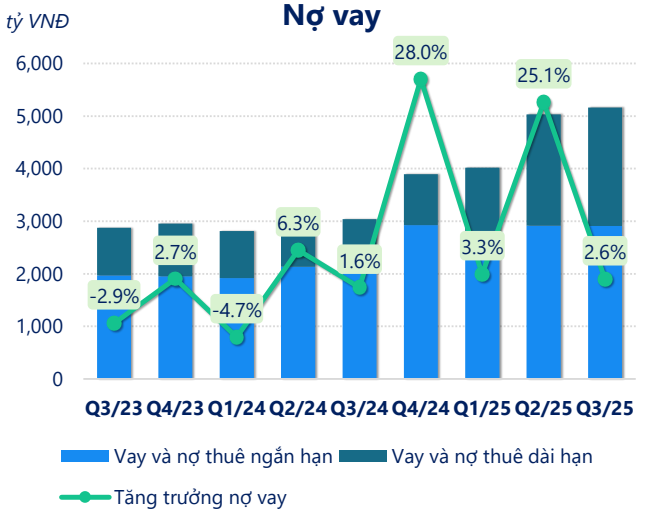

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

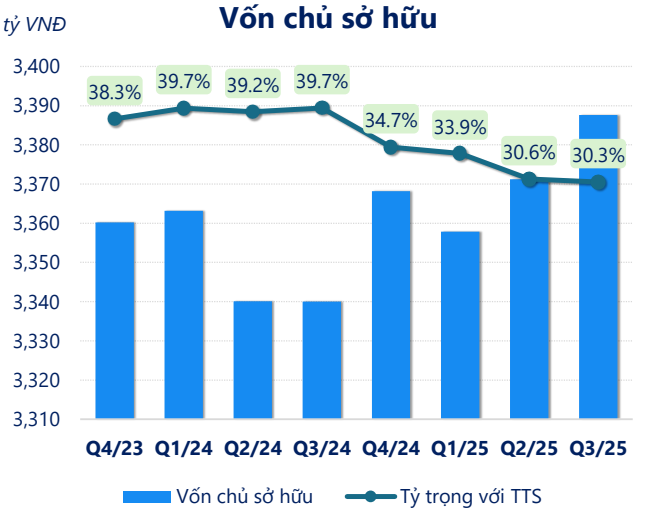

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

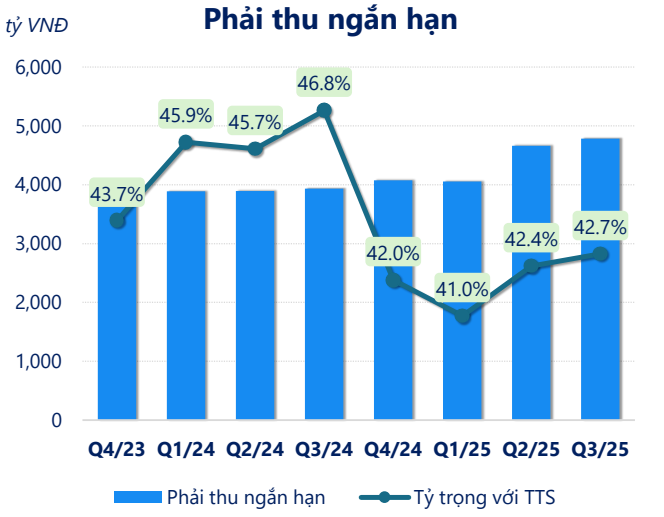

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

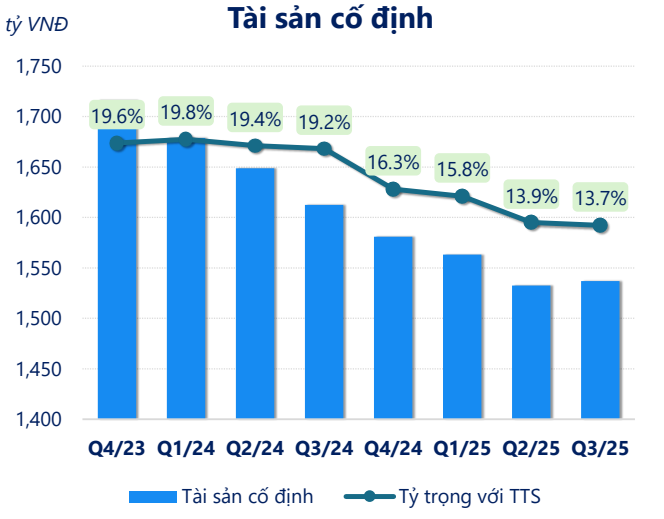

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

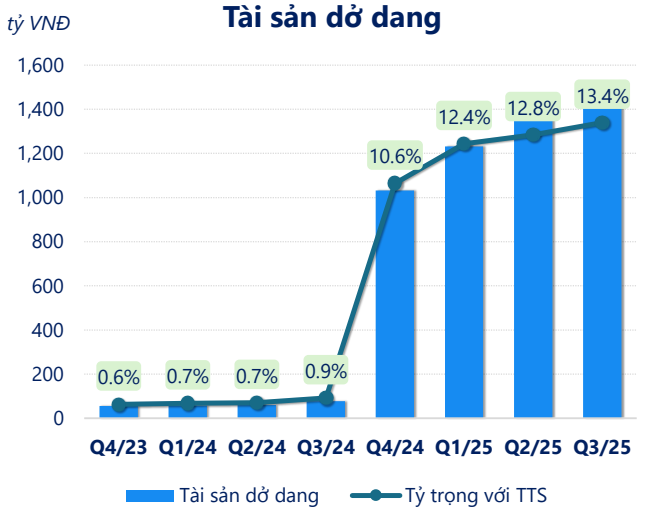

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

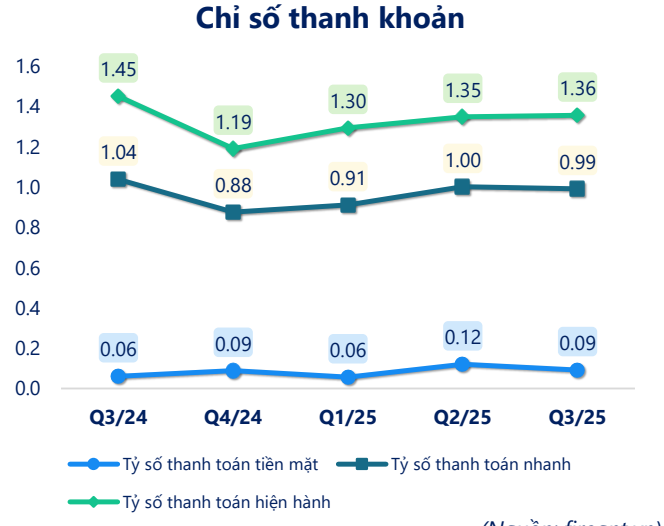

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

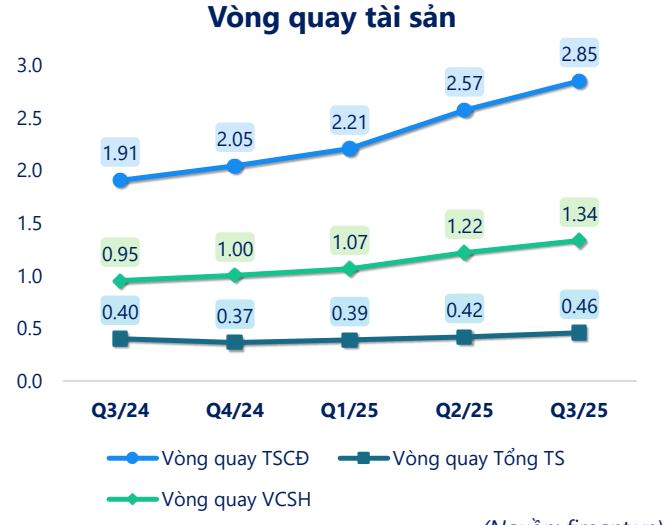

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**8,413**	**9,704**	**9,905**	**11,003**	**11,194**
Tài sản ngắn hạn	**6,021**	**6,364**	**6,411**	**7,423**	**7,507**
Tiền và tương đương tiền	254	473	279	662	510
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.3	28.3	28.2	25.3	25.7
Phải thu ngắn hạn	3,935	4,073	4,056	4,661	4,781
Hàng tồn kho	1,712	1,685	1,900	1,915	2,017
Tài sản ngắn hạn khác	101	104	148	159	173
Tài sản dài hạn	**2,392**	**3,341**	**3,493**	**3,581**	**3,687**
Phải thu dài hạn	120	122	113	46.8	57.7
Tài sản cố định	1,613	1,581	1,563	1,533	1,537
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.9	1,033	1,232	1,413	1,500
Đầu tư tài chính dài hạn	431	453	442	442	442
Tài sản dài hạn khác	112	115	107	112	118
Lợi thế thương mại	39.9	38.1	36.3	34.5	32.7
Nợ phải trả	**5,073**	**6,336**	**6,547**	**7,632**	**7,807**
Nợ ngắn hạn	**4,148**	**5,339**	**4,949**	**5,496**	**5,534**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,144	2,923	2,450	2,914	2,910
Phải trả người bán ngắn hạn	829	799	903	949	941
Nợ dài hạn	925	998	1,598	2,136	2,273
Vay và nợ thuê dài hạn	896	969	1,571	2,115	2,252
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,340**	**3,368**	**3,358**	**3,371**	**3,388**
Vốn chủ sở hữu	**3,340**	**3,368**	**3,358**	**3,371**	**3,388**
Vốn điều lệ	1,574	1,574	1,574	1,574	1,574
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)